UBND TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 882 /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh sách sinh viên đạt CĐR Tiếng Anh đối với sinh viên thi ngày 16-17/03/2024 tại trường Đại học Hồng Đức năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị quyết số 04/QĐ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-ĐHHĐ ngày 05/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành quy định thi đánh giá năng lực ngoại ngữ định hướng theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 3275/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam với sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học chuyên ngữ và không chuyên ngữ; học viên tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc kỳ thi đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên, học viên năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kết quả thi chuẩn đầu ra Tiếng Anh ngày 16-17 tháng 03 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng ĐBCL&KT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 244 sinh viên Đại học, Cao đẳng đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh, kỳ thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ định hướng theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam, đợt thi ngày 16-17/03/2024 (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Kết quả đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh được sử dụng để xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.

Điều 3. Trưởng các đơn vị có liên quan và các Sinh viên có tên trong danh sách kèm theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Hiệu trưởng và các PHT (để b/c);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Hoàng Nam

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

(theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHHĐ ngày 21.03/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Ngày thi: 16-17/03/2024

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
1	2067010047	Lê Thị Thu Hoài	Anh	CN	ĐH	9.5	9.0	7.0	7.5	**8.5**	
2	2067010088	Nguyễn Thị Lan	Anh	CN	ĐH	9.5	7.5	9.0	8.0	**8.5**	
3	2067010050	Nguyễn Thị	Châu	CN	ĐH	10.0	8.0	7.5	9.0	**8.5**	
4	2067010097	Hoàng Thị	Hoa	CN	ĐH	9.5	8.0	6.5	9.5	**8.5**	
5	2067010100	Bùi Khánh	Huyền	CN	ĐH	9.5	8.5	5.5	9.5	**8.5**	
6	2067010102	Nguyễn Thị	Lệ	CN	ĐH	9.5	8.5	6.5	9.5	**8.5**	
7	2067010023	Nguyễn Thị Đài	Linh	CN	ĐH	9.5	8.0	6.0	9.5	**8.5**	
8	2261010003	Lưu Cẩm	Anh	KC	ĐH	5.0	7.5	6.5	6.5	**6.5**	
9	2261010004	Nguyễn Duy Quang	Anh	KC	ĐH	4.5	6.5	5.0	2.0	**4.5**	
10	2261010005	Tống Quỳnh	Anh	KC	ĐH	2.5	6.5	5.0	1.5	**4.0**	
11	226101CLC01	Lê Như Hoàng	Anh	KC	ĐH	8.0	5.5	7.0	3.0	**6.0**	
12	226101CLC02	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	KC	ĐH	8.5	7.5	4.5	9.0	**7.5**	
13	226101CLC03	Nguyễn Thị Vân	Anh	KC	ĐH	3.5	6.0	4.5	8.0	**5.5**	
14	2064010205	Phạm Phương	Anh	KC	ĐH	4.5	4.5	4.5	4.0	**4.5**	
15	2266010004	Lâm Thị Ngọc	Anh	KC	ĐH	6.5	4.5	4.5	3.0	**4.5**	
16	2266020001	Lê Thị Lan	Anh	KC	ĐH	5.5	5.5	4.0	3.0	**4.5**	
17	2266030002	Phạm Tuấn	Anh	KC	ĐH	3.5	4.0	2.5	6.0	**4.0**	
18	2269070002	Nguyễn Trần Tiến	Anh	KC	ĐH	4.5	6.5	5.0	2.5	**4.5**	
19	226101CLC05	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	KC	ĐH	5.5	4.5	5.0	7.5	**5.5**	
20	226601CLC02	Lò Ngọc	Ánh	KC	ĐH	7.0	7.5	5.0	7.0	**6.5**	
21	2261010006	Hoàng Gia	Bảo	KC	ĐH	6.0	8.0	6.5	8.0	**7.0**	
22	2261010007	Dương Khắc	Bình	KC	ĐH	7.0	6.0	3.5	7.5	**6.0**	
23	2261010008	Trịnh Văn	Bình	KC	ĐH	8.0	6.5	7.0	8.0	**7.5**	
24	2262010001	Nguyễn Thị Thanh	Bình	KC	ĐH	6.5	3.0	3.5	2.5	**4.0**	
25	2266010006	Trương Thị Hải	Bình	KC	ĐH	7.0	8.5	5.0	3.0	**6.0**	
26	2266010007	Trương Thị Diệu	Châu	KC	ĐH	5.5	5.0	3.0	3.0	**4.0**	
27	2261010009	Dương Thị Kim	Chi	KC	ĐH	6.0	4.5	3.0	6.5	**5.0**	
28	2261010059	Lê Thị Kim	Chi	KC	ĐH	5.5	4.5	4.5	2.5	**4.5**	
29	2262010003	Hà Thị Mai	Chi	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	4.0	**4.0**	
30	2262010002	Lê Thị Linh	Chi	KC	ĐH	6.0	4.0	3.0	3.0	**4.0**	
31	2266030022	Lê Kim	Chi	KC	ĐH	7.0	8.0	5.0	6.5	**6.5**	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
32	2266010009	Lê Thị	Cử	KC	ĐH	4.5	4.0	3.0	5.0	**4.0**	
33	2261010010	Nguyễn Thị	Cúc	KC	ĐH	3.0	6.0	3.5	3.0	**4.0**	
34	226602CLC02	Bùi Thị	Đan	KC	ĐH	3.5	5.0	4.5	3.0	**4.0**	
35	2263000001	Lê Ngọc	Danh	KC	ĐH	7.5	5.5	6.0	3.0	**5.5**	
36	2261010014	Cao Văn Tuấn	Đạt	KC	ĐH	7.0	9.0	6.5	5.0	**7.0**	
37	2261020002	Nguyễn Hoàng	Đạt	KC	ĐH	5.0	4.5	4.5	3.0	**4.5**	
38	1964030019	Trịnh Quốc	Đạt	KC	ĐH	5.5	7.5	5.5	3.0	**5.5**	
39	2266010013	Phạm Thành	Đạt	KC	ĐH	4.0	6.0	5.5	4.0	**5.0**	
40	2064010159	Lê Thị Ngọc	Diệp	KC	ĐH	5.5	6.0	5.0	1.0	**4.5**	
41	2263000002	Đồng Thùy	Dung	KC	ĐH	4.0	5.0	4.5	2.0	**4.0**	
42	2266010010	Nguyễn Thị	Dung	KC	ĐH	4.5	3.0	5.0	6.0	**4.5**	
43	226602CLC01	Phạm Thành	Dũng	KC	ĐH	5.5	3.5	2.5	5.0	**4.0**	
44	2261010012	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	KC	ĐH	5.5	8.0	5.5	7.5	**6.5**	
45	206101CLC03	Đỗ Lê An	Dương	KC	ĐH	8.5	7.0	7.5	8.5	**8.0**	
46	2066010058	Hoàng Văn	Dương	KC	ĐH	4.0	6.0	4.5	7.5	**5.5**	
47	226101CLC06	Lê Thảo	Duyên	KC	ĐH	7.5	8.0	5.0	5.0	**6.5**	
48	2261020001	Bùi Ngọc	Duyên	KC	ĐH	5.5	6.5	5.5	6.5	**6.0**	
49	2261010015	Lê Châu	Giang	KC	ĐH	6.0	7.0	6.0	5.0	**6.0**	
50	2261010016	Lê Hương	Giang	KC	ĐH	3.0	3.5	5.0	7.5	**5.0**	
51	2261010017	Nguyễn Thị	Giang	KC	ĐH	4.0	3.5	3.0	4.5	**4.0**	
52	2064010112	Nguyễn Thị	Giang	KC	ĐH	5.0	4.5	3.0	5.0	**4.5**	
53	226601CLC05	Hà	Giang	KC	ĐH	4.0	4.5	3.5	4.5	**4.0**	
54	226602CLC03	Bùi Thị	Giang	KC	ĐH	5.5	2.0	4.5	3.0	**4.0**	
55	2261010018	Chu Thị Ngọc	Hà	KC	ĐH	4.0	6.5	3.0	5.5	**5.0**	
56	2262040017	Mai Thị	Hà	KC	ĐH	2.5	5.5	3.0	5.5	**4.0**	
57	2266010061	Trương Phạm Bích	Hà	KC	ĐH	7.0	6.5	3.5	5.0	**5.5**	
58	2069000281	Triệu Nhật	Hải	KC	ĐH	3.5	6.5	4.5	3.0	**4.5**	
59	2261010020	Nguyễn Thị Thu	Hằng	KC	ĐH	4.0	5.5	4.0	4.5	**4.5**	
60	2266020003	Nguyễn Thị Thu	Hằng	KC	ĐH	4.5	5.5	6.0	2.5	**4.5**	
61	2261010021	Trịnh Thị Lệ	Hằng	KC	ĐH	5.5	5.5	5.5	8.0	**6.0**	
62	2261010022	Lê Thị Hồng	Hạnh	KC	ĐH	6.0	5.0	5.0	6.5	**5.5**	
63	2261010023	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	KC	ĐH	6.0	4.0	4.5	7.5	**5.5**	
64	2266010017	Nguyễn Thị	Hạnh	KC	ĐH	4.5	4.0	3.5	7.5	**5.0**	
65	2261020004	Phạm Thị Phúc	Hảo	KC	ĐH	6.0	5.5	5.5	7.5	**6.0**	
66	226101CLC07	Hà Thu	Hiền	KC	ĐH	4.5	7.0	4.0	8.0	**6.0**	
67	2266010018	Hà Kim	Hiền	KC	ĐH	4.5	4.5	5.5	3.0	**4.5**	
68	2266030006	Nguyễn Tiến	Hiệp	KC	ĐH	4.5	5.0	3.0	2.5	**4.0**	
69	2266030008	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	KC	ĐH	5.0	5.0	4.5	5.5	**5.0**	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
70	2269070006	Nguyễn Mai	Hoa	KC	ĐH	4.0	6.0	3.0	3.5	**4.0**	
71	226602CLC04	Bùi Thị	Hoàng	KC	ĐH	6.5	4.0	4.5	6.5	**5.5**	
72	226602CLC06	Hà Xuân	Hoàng	KC	ĐH	5.0	7.5	2.0	4.5	**5.0**	
73	2261010024	Trần Thị	Hồng	KC	ĐH	5.5	8.5	5.5	8.5	**7.0**	
74	2261010066	Trần Thị Kim	Hồng	KC	ĐH	3.5	7.0	2.5	3.0	**4.0**	
75	206101CLC07	Nguyễn Thị Thu	Hồng	KC	ĐH	3.5	6.5	5.0	6.0	**5.5**	
76	2266010020	Lê Thị	Hồng	KC	ĐH	3.0	3.5	3.5	6.5	**4.0**	
77	2266010065	Nguyễn Thị Minh	Hồng	KC	ĐH	4.5	7.0	3.5	5.5	**5.0**	
78	2169010020	Bùi Thị	Hồng	KC	ĐH	2.0	4.5	4.5	6.0	**4.5**	
79	2169010207	Bùi Thị	Hồng	KC	ĐH	3.5	3.5	2.5	5.5	**4.0**	
80	2266010022	Nguyễn Thị	Huệ	KC	ĐH	5.5	5.0	3.5	5.5	**5.0**	
81	2266010056	Nguyễn Thị	Huệ	KC	ĐH	5.5	7.5	3.5	5.5	**5.5**	
82	2266010023	Nguyễn Thu	Huệ	KC	ĐH	4.0	5.5	3.5	3.0	**4.0**	
83	2266010024	Phạm Minh	Hùng	KC	ĐH	5.5	4.5	3.0	3.0	**4.0**	
84	2261020005	Trịnh Bá	Hưng	KC	ĐH	4.0	5.0	2.5	5.0	**4.0**	
85	2262040003	Nguyễn Thị Mai	Hương	KC	ĐH	4.0	3.5	5.5	2.5	**4.0**	
86	2262040014	Trần Thị Lan	Hương	KC	ĐH	6.0	7.0	3.0	4.5	**5.0**	
87	2266030010	Bùi Văn	Huy	KC	ĐH	3.0	5.5	3.5	5.5	**4.5**	
88	226101CLC08	Trần Lê	Huyền	KC	ĐH	5.0	9.0	5.5	6.5	**6.5**	
89	2262040004	Lê Khánh	Huyền	KC	ĐH	6.0	4.0	4.5	4.0	**4.5**	
90	2266020005	Ngô Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	4.5	4.0	2.0	4.5	**4.0**	
91	2261010025	Nguyễn Ngô Tuấn	Kiệt	KC	ĐH	6.0	6.5	5.0	6.5	**6.0**	
92	2261010026	Nguyễn Tuấn	Kiệt	KC	ĐH	6.0	6.5	5.0	4.0	**5.5**	
93	2262040006	Nguyễn Thị	Lan	KC	ĐH	5.5	2.5	3.5	7.5	**5.0**	
94	2266010025	Hà Thị	Lan	KC	ĐH	7.0	6.0	2.5	7.5	**6.0**	
95	2266010026	Lê Thị Quỳnh	Lê	KC	ĐH	5.0	4.5	4.5	5.0	**5.0**	
96	2261010029	Lữ Thị Khánh	Linh	KC	ĐH	4.0	3.0	5.0	8.0	**5.0**	
97	226101CLC09	Mai Phương	Linh	KC	ĐH	5.0	8.0	4.5	8.5	**6.5**	
98	226101CLC10	Phạm Khánh	Linh	KC	ĐH	5.0	7.0	5.5	8.5	**6.5**	
99	2261020006	Trần Việt	Linh	KC	ĐH	7.5	7.5	6.5	7.0	**7.0**	
100	2262040007	Nguyễn Thị Khánh	Linh	KC	ĐH	5.0	5.0	2.5	5.5	**4.5**	
101	2262040008	Phan Thị Mỹ	Linh	KC	ĐH	6.0	4.0	3.5	4.5	**4.5**	
102	2263000006	Phạm Thị	Linh	KC	ĐH	7.0	5.5	3.0	8.5	**6.0**	
103	2064010171	Phùng Mai	Linh	KC	ĐH	4.5	5.0	5.5	5.5	**5.0**	
104	2266010027	Hà Thị Phương	Linh	KC	ĐH	6.5	4.0	3.5	7.5	**5.5**	
105	2266010028	Lê Nhật	Linh	KC	ĐH	5.0	3.5	2.5	6.0	**4.5**	
106	2266010029	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	KC	ĐH	7.0	7.0	4.0	5.5	**6.0**	
107	2262010004	Vũ Hoàng	Long	KC	ĐH	6.5	4.5	2.5	4.5	**4.5**	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
108	2069000335	Lò Xuân	Lương	KC	ĐH	7.0	6.5	3.5	0.5	**4.5**	
109	226101CLC11	Nguyễn Thị	Lý	KC	ĐH	7.5	9.0	7.5	8.5	**8.0**	
110	226601CLC10	Hà Thị	Lý	KC	ĐH	7.0	5.5	3.0	7.5	**6.0**	
111	2261010030	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	KC	ĐH	4.5	4.0	4.0	3.0	**4.0**	
112	2261020007	Nguyễn Thị	Mai	KC	ĐH	4.5	4.0	5.5	5.0	**5.0**	
113	2266010063	Bùi Thị Tuyết	Mai	KC	ĐH	6.0	5.0	5.0	4.5	**5.0**	
114	2266010030	Phạm Thị Ngọc	Mai	KC	ĐH	4.0	4.0	5.0	3.5	**4.0**	
115	2069000298	Hà Thị	Mai	KC	ĐH	7.0	7.0	3.5	3.0	**5.0**	
116	226602CLC10	Hơ Thị	Mị	KC	ĐH	8.0	6.5	5.5	7.5	**7.0**	
117	2261010031	Nguyễn Ngọc	Minh	KC	ĐH	5.0	8.5	3.5	9.5	**6.5**	
118	2064030025	Đinh Vũ Khang	Minh	KC	ĐH	5.0	4.5	5.0	2.0	**4.0**	
119	2261010032	Mai Thị Trà	My	KC	ĐH	5.0	4.5	5.0	1.0	**4.0**	
120	2263000007	Phạm Thị Trà	My	KC	ĐH	3.5	6.5	4.5	1.5	**4.0**	
121	2266010031	Hà Huyền	My	KC	ĐH	4.5	5.0	5.0	1.5	**4.0**	
122	2266010032	Nguyễn Thị Trà	My	KC	ĐH	5.0	4.5	3.5	2.5	**4.0**	
123	2261010067	Lê Thị Hằng	Nga	KC	ĐH	5.0	8.0	4.5	9.0	**6.5**	
124	2261010033	Trương Thị Thúy	Nga	KC	ĐH	5.0	5.5	2.0	3.0	**4.0**	
125	2266010033	Nguyễn Thúy	Nga	KC	ĐH	5.0	4.0	4.5	4.0	**4.5**	
126	226601CLC11	Bùi Thị Thanh	Nga	KC	ĐH	6.0	7.0	4.5	9.0	**6.5**	
127	2262010005	Nguyễn Công	Nghĩa	KC	ĐH	5.5	5.5	4.5	7.5	**6.0**	
128	2263000018	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	KC	ĐH	4.0	4.0	3.0	5.5	**4.0**	
129	2261010034	Lê Thị Thanh	Ngoan	KC	ĐH	4.5	5.0	8.0	4.5	**5.5**	
130	2262040016	Lê Duy	Ngọc	KC	ĐH	5.0	6.0	5.0	2.0	**4.5**	
131	2262010006	Nguyễn Danh	Nguyên	KC	ĐH	5.0	4.5	6.5	3.0	**5.0**	
132	2169020027	Phạm Thảo	Nguyên	KC	ĐH	4.5	6.5	4.0	1.5	**4.0**	
133	2266020006	Nguyễn Thị	Nguyệt	KC	ĐH	5.0	6.0	1.0	5.5	**4.5**	
134	2261010036	Hà Vũ Linh	Nhi	KC	ĐH	5.5	5.5	4.5	8.0	**6.0**	
135	2261010060	Lê Thị Yến	Nhi	KC	ĐH	5.0	4.5	3.5	8.0	**5.5**	
136	226101CLC12	Nguyễn Thị Hà	Nhi	KC	ĐH	7.5	8.5	6.5	9.0	**8.0**	
137	2269070010	Nguyễn Ngọc	Nhi	KC	ĐH	6.0	4.5	2.5	6.0	**5.0**	
138	2261020008	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	KC	ĐH	5.5	7.5	5.0	6.5	**6.0**	
139	2169010230	Thao Thị	Nhung	KC	ĐH	6.0	3.5	3.0	4.5	**4.5**	
140	226602CLC13	Lương Thị	Nụ	KC	ĐH	5.5	5.0	4.5	4.0	**5.0**	
141	2262010007	Nguyễn Thị	Oanh	KC	ĐH	5.0	4.0	4.5	3.0	**4.0**	
142	2066010059	Hà Thị Lâm	Oanh	KC	ĐH	7.0	5.0	3.0	5.5	**5.0**	
143	2262040009	Trần	Phú	KC	ĐH	4.0	4.5	3.5	7.0	**5.0**	
144	2261010037	Hoàng Thị Việt	Phương	KC	ĐH	3.5	9.0	4.0	5.0	**5.5**	
145	2261010038	Nguyễn Mai	Phương	KC	ĐH	7.0	7.5	5.5	4.5	**6.0**	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
146	2261010039	Nguyễn Thị Bé	Phương	KC	ĐH	3.5	7.0	1.5	3.0	**4.0**	
147	2262040013	Đặng Hoàng Quỳnh	Phương	KC	ĐH	5.0	6.0	6.5	7.5	**6.5**	
148	2266010036	Lê Thu	Phương	KC	ĐH	4.0	6.0	4.0	3.0	**4.5**	
149	2261010040	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	KC	ĐH	2.5	3.5	5.0	4.0	**4.0**	
150	2261010041	Phạm Thị	Quý	KC	ĐH	5.5	6.0	2.0	4.0	**4.5**	
151	226101CLC13	Hà Ngọc	Quý	KC	ĐH	7.5	4.5	3.5	9.0	**6.0**	
152	2261010042	Tăng Thị Quỳnh	Quyên	KC	ĐH	5.5	5.0	2.0	4.0	**4.0**	
153	2261010043	Lê Trịnh Như	Quỳnh	KC	ĐH	6.0	8.5	3.0	6.5	**6.0**	
154	2261010044	Trịnh Thị Diễm	Quỳnh	KC	ĐH	3.0	5.5	6.0	6.0	**5.0**	
155	226101CLC14	Hoàng Thị	Quỳnh	KC	ĐH	7.0	7.0	6.5	9.0	**7.5**	
156	2262010008	Nguyễn Trúc	Quỳnh	KC	ĐH	5.0	7.0	5.0	7.5	**6.0**	
157	2266010055	Đỗ Thị Thúy	Quỳnh	KC	ĐH	7.0	6.0	6.5	8.5	**7.0**	
158	2266010038	Tống Thị Trúc	Quỳnh	KC	ĐH	5.0	5.0	4.5	8.0	**5.5**	
159	226601CLC14	Lò Thị	Sâm	KC	ĐH	7.5	5.0	4.5	8.5	**6.5**	
160	2261020010	Phạm Ngọc	Sơn	KC	ĐH	5.0	5.5	2.5	5.0	**4.5**	
161	2261010063	Lê Doãn	Tài	KC	ĐH	4.0	5.0	2.5	5.0	**4.0**	
162	226602CLC15	Hà Thị	Tâm	KC	ĐH	7.0	1.5	3.5	5.0	**4.5**	
163	2261010046	Phạm Duy	Tập	KC	ĐH	4.5	4.0	2.5	4.5	**4.0**	
164	2069000310	Ngân Văn	Thạch	KC	ĐH	7.0	6.0	2.5	4.0	**5.0**	
165	2266010039	Vàng A	Thái	KC	ĐH	5.5	4.0	2.5	3.0	**4.0**	
166	2269080023	Đinh Văn	Thắng	KC	ĐH	6.0	3.0	5.5	4.5	**5.0**	
167	2266010064	Hà Lê	Thành	KC	ĐH	3.0	5.0	5.0	4.0	**4.5**	
168	226601CLC15	Quách Văn	Thành	KC	ĐH	3.5	3.5	5.0	4.5	**4.0**	
169	2266020008	Lê Minh	Thành	KC	ĐH	6.0	2.5	4.0	4.0	**4.0**	
170	2069000311	Phạm Nhật	Thành	KC	ĐH	7.0	6.0	1.5	5.0	**5.0**	
171	2261010048	Cao Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	6.0	6.0	4.5	2.5	**5.0**	
172	226101CLC15	Trịnh Thu	Thảo	KC	ĐH	7.5	5.5	6.0	9.0	**7.0**	
173	2262010009	Nguyễn Thị	Thảo	KC	ĐH	5.0	5.0	3.0	3.0	**4.0**	
174	2262010010	Phạm Thanh	Thảo	KC	ĐH	7.5	4.5	3.5	3.0	**4.5**	
175	2266010058	Lê Thị	Thảo	KC	ĐH	7.0	4.0	5.5	6.0	**5.5**	
176	2266010057	Trần Thu	Thảo	KC	ĐH	7.5	3.5	2.5	8.5	**5.5**	
177	226601CLC16	Vi Thị	Thảo	KC	ĐH	5.5	5.0	3.5	3.0	**4.5**	
178	2069000260	Thiều Phương	Thảo	KC	ĐH	4.0	6.0	2.5	6.0	**4.5**	
179	2169010110	Lê Thị	Thảo	KC	ĐH	4.5	3.5	3.5	4.0	**4.0**	
180	2169010111	Lê Thị Hương	Thảo	KC	ĐH	4.5	5.0	3.5	4.0	**4.5**	
181	2266030015	Bùi Thị Ý	Thi	KC	ĐH	3.0	5.5	3.5	6.0	**4.5**	
182	226601CLC17	Lương Văn	Thiện	KC	ĐH	6.5	8.0	4.0	7.0	**6.5**	
183	2261010049	Nguyễn Thị	Thơ	KC	ĐH	6.0	9.0	2.5	6.5	**6.0**	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
184	2069000045	Vi Văn	Thống	KC	ĐH	5.5	8.5	6.5	0.5	**5.5**	
185	2261010050	Nguyễn Thị	Thu	KC	ĐH	6.5	6.5	6.5	6.0	**6.5**	
186	2262010013	Trương Thị Hoài	Thu	KC	ĐH	6.5	5.5	5.0	7.5	**6.0**	
187	2266010041	Phạm Thị Thanh	Thu	KC	ĐH	4.5	4.5	4.0	7.5	**5.0**	
188	226601CLC18	Lương Thị	Thu	KC	ĐH	6.0	8.0	4.5	7.5	**6.5**	
189	226602CLC16	Trương Thị	Thu	KC	ĐH	6.0	3.5	4.5	7.5	**5.5**	
190	2069000336	Nguyễn Thị Minh	Thu	KC	ĐH	5.5	2.0	1.5	6.5	**4.0**	
191	2261010051	Đỗ Minh	Thư	KC	ĐH	3.5	7.0	5.5	7.5	**6.0**	
192	2266010059	Hà Thị	Thư	KC	ĐH	4.0	5.5	3.0	7.5	**5.0**	
193	2266010042	Vũ Thị Anh	Thư	KC	ĐH	3.0	8.5	4.0	6.5	**5.5**	
194	2064020043	Lê Thị	Thương	KC	ĐH	5.0	3.5	3.0	8.0	**5.0**	
195	2266010043	Lương Thị Huyền	Thương	KC	ĐH	5.0	3.5	4.5	6.0	**5.0**	
196	2266010044	Nguyễn Thị	Thương	KC	ĐH	5.0	7.5	5.0	7.0	**6.0**	
197	226602CLC17	Lê Hoài	Thương	KC	ĐH	5.0	5.5	3.5	8.5	**5.5**	
198	2169010115	Nguyễn Thị	Thương	KC	ĐH	3.5	4.0	3.0	7.0	**4.5**	
199	2266010060	Kiều Thị	Thưởng	KC	ĐH	3.0	4.0	4.0	7.0	**4.5**	
200	2266010046	Phạm Thị	Thúy	KC	ĐH	6.0	5.0	3.5	5.5	**5.0**	
201	2261010052	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	KC	ĐH	5.5	5.5	3.0	6.0	**5.0**	
202	226101CLC16	Lê Thị	Thùy	KC	ĐH	8.0	7.5	7.5	6.0	**7.5**	
203	226601CLC20	Lê Thị	Thùy	KC	ĐH	6.0	6.5	3.5	6.5	**5.5**	
204	2261020011	Lưu Thị	Thủy	KC	ĐH	6.0	5.0	5.0	7.5	**6.0**	
205	2064010191	Vi Thị Bích	Thủy	KC	ĐH	5.0	3.0	3.5	5.5	**4.5**	
206	2169010054	Lê Thị	Thủy	KC	ĐH	3.0	5.0	2.0	7.0	**4.5**	
207	2261010053	Ngô Thị Hải	Trà	KC	ĐH	7.0	8.0	5.0	7.5	**7.0**	
208	226101CLC17	Nguyễn Thanh	Trà	KC	ĐH	6.0	8.0	5.5	8.5	**7.0**	
209	2261020012	Phạm Thị	Trà	KC	ĐH	5.5	3.0	3.0	4.5	**4.0**	
210	2266010047	Hà Thu	Trà	KC	ĐH	4.5	6.5	6.5	4.0	**5.5**	
211	2261010054	Nguyễn Thu	Trang	KC	ĐH	3.0	5.0	3.0	4.0	**4.0**	
212	2261010055	Vũ Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	5.5	6.5	4.5	5.5	**5.5**	
213	226101CLC18	Lê Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	6.0	8.0	2.5	8.5	**6.5**	
214	2261020013	Nguyễn Thị	Trang	KC	ĐH	4.5	5.0	4.5	3.5	**4.5**	
215	2263000014	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	4.5	6.5	5.5	8.5	**6.5**	
216	226601CLC21	Phạm Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	8.5	**5.0**	
217	2169010118	Lê Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	4.5	4.0	3.0	8.0	**5.0**	
218	2169010244	Lê Thị	Trang	KC	ĐH	5.0	4.0	3.5	3.5	**4.0**	
219	2266030017	Hà Văn	Trình	KC	ĐH	4.5	5.5	5.5	4.5	**5.0**	
220	2261010056	Phạm Đức	Trọng	KC	ĐH	6.5	3.5	4.5	2.0	**4.0**	
221	2261010061	Đồng Đức	Trung	KC	ĐH	7.0	6.5	3.5	2.0	**5.0**	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
222	2266030018	Lê Thanh	Trường	KC	ĐH	5.5	7.0	6.0	3.5	**5.5**	
223	2261010057	Chu Đình Tuấn	Tú	KC	ĐH	5.5	7.0	5.5	5.0	**6.0**	
224	2266010050	Phạm Xuân	Tư	KC	ĐH	5.5	4.5	2.5	5.0	**4.5**	
225	226101CLC19	Nguyễn Anh	Tuấn	KC	ĐH	6.5	5.5	3.5	7.5	**6.0**	
226	2262010011	Đỗ Anh	Tuấn	KC	ĐH	6.5	7.5	5.5	7.0	**6.5**	
227	2262010015	Lê Anh	Tuấn	KC	ĐH	7.0	4.0	4.5	5.0	**5.0**	
228	1669020022	Trần Anh	Tuấn	KC	ĐH	6.5	4.0	2.5	2.0	**4.0**	
229	2261020014	Nguyễn Thanh	Tùng	KC	ĐH	6.5	4.5	3.0	5.0	**5.0**	
230	2266010051	Phạm Thị	Uyên	KC	ĐH	6.5	5.0	3.5	5.0	**5.0**	
231	2266030019	Lại Thị	Vân	KC	ĐH	7.0	9.0	4.0	6.5	**6.5**	
232	2266010052	Nguyễn Yến	Vi	KC	ĐH	7.0	5.5	6.5	6.0	**6.5**	
233	2266020009	Hoàng Nguyên	Vũ	KC	ĐH	2.5	6.0	3.0	5.0	**4.0**	
234	2169010126	Hơ Thị	Xia	KC	ĐH	4.5	5.0	2.5	5.0	**4.5**	
235	226602CLC18	Cao Thị	Xuân	KC	ĐH	8.0	7.0	5.0	6.0	**6.5**	
236	2261010058	Hoàng Thị Thương	Yến	KC	ĐH	4.0	9.5	5.0	7.5	**6.5**	
237	226101CLC20	Nguyễn Hải	Yến	KC	ĐH	7.0	9.0	7.0	7.5	**7.5**	
238	2261020015	Lê Hồ Hải	Yến	KC	ĐH	6.0	5.0	6.5	7.0	**6.0**	
239	2262040012	Kiều Hoàng	Yến	KC	ĐH	6.0	5.0	2.5	4.5	**4.5**	
240	216C680018	Ngô Thị Quỳnh	Linh	KC	CĐ	22.0	19.0	17.0	23.0	**81.0**	**8.0**
241	216C680020	Nguyễn Thị Hồng	Luyến	KC	CĐ	21.0	17.0	13.0	22.0	**73.0**	**7.5**
242	216C680021	Lê Thị	Nguyệt	KC	CĐ	14.5	13.0	17.0	22.0	**66.5**	**6.5**
243	216C680026	Lê Thị Thanh	Thảo	KC	CĐ	22.0	20.0	8.0	24.0	**74.0**	**7.5**
244	216C680027	Hoàng Thị	Thảo	KC	CĐ	22.0	21.0	13.0	23.0	**79.0**	**8.0**

Ghi chú: KC: Đối tượng không chuyên ngữ; CN: chuyên ngữ; ĐH: Đại học; CĐ: Cao đẳng

Ấn định danh sách có 244 sinh viên đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh./.

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN T. THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Hoàng Nam